

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN PHÚ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 298/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 26/5/2020
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Tô Thị Ngọc Phượng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Thị Nhung
2. Ông Bùi Ngọc Hiếu

Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Mạnh Hải – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thúy Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 1280/2019/TLST-HNGĐ, ngày 17 tháng 12 năm 2019 về “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 131/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Ngô Thị N, sinh năm: 1984
Địa chỉ: đường A, phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Đình H, sinh năm: 1979
Địa chỉ: đường A, phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Tại phiên tòa, bà N và ông H có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 06/12/2019, bản tự khai và các buổi phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải:

- *Nguyên đơn bà Ngô Thị N trình bày:* Bà và ông Nguyễn Đình H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đồng Kho, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận (Giấy chứng nhận kết hôn số 14/2014, quyền số 01/2014, ngày 02/4/2014). Sau khi kết hôn cả hai chung sống tại phường Tân Quý, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Về mâu thuẫn gia đình: Thời gian đầu cả hai chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, sau đó khoảng một năm rưỡi thì phát sinh nhiều mâu thuẫn về tính cách, lối sống, về chăm sóc con cái. Bà và ông H đã cố gắng nói chuyện hòa giải và hàn gắn với nhau nhưng không thành, mâu thuẫn ngày càng lớn. Đến giữa năm 2016, bà và ông H đã sống ly thân cho đến nay.

Nay nhận thấy không thể tiếp tục chung sống với nhau nên bà N yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Đình H.

Về con chung: Bà Ngô Thị N xác nhận bà và ông Nguyễn Đình H có 01 người con chung tên Nguyễn Diễm N, sinh ngày 11/7/2015. Khi ly hôn, bà Ngô Thị N yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông Nguyễn Đình H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà N xác nhận bà và ông H không có tài sản chung.

Về nợ chung: Bà N xác nhận bà và ông H không có nợ chung.

- *Bị đơn ông Nguyễn Đình H trình bày:* Ông và bà N tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đồng Kho, huyện Tân Lĩnh, tỉnh Bình Thuận (Giấy chứng nhận kết hôn số 14/2014, quyển số 01/2014, ngày 02/4/2014). Vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau đến cuối năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Cả hai bên đã hòa giải nhưng không có kết quả, hiện cả hai đã sống ly thân từ đó cho đến hiện nay gần 03 năm. Nay bà N xin ly hôn, bản thân ông H rất thương con, muốn cuộc sống của con có đầy đủ tình thương của cả cha và mẹ nên ông H không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông Nguyễn Đình H xác nhận ông và bà Ngô Thị N có 01 người con chung tên Nguyễn Diễm N, sinh ngày 11/7/2015. Nếu ly hôn, ông không đồng ý giao con chung cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, ông không tranh giành nuôi con, chỉ xin Tòa xem xét điều kiện cụ thể của cha và mẹ để quyết định cho cha hay mẹ là người nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông và bà N đã giải quyết với nhau về vấn đề nợ chung nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Ngô Thị N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn ông Nguyễn Đình H không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 48, Điều 68, Điều 69, khoản 2 Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Việc Tòa thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, đúng quan hệ tranh chấp và về thu thập chứng cứ, xác định đúng tư cách đương sự. Việc tham gia hỏi tại phiên tòa của Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

+ Về nội dung vụ án: Căn cứ vào Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 14/2014, quyền số 01/2014 ngày 02/4/2014 của Ủy ban nhân dân xã Đồng Kho, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận cấp cho các đương sự thì quan hệ giữa bà Ngô Thị N và ông Nguyễn Đình H là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Tại phiếu yêu cầu xác minh ngày 14/5/2020, công an phường Tân Quý, quận Tân Phú, Tp.HCM xác nhận đương sự Nguyễn Đình H có hộ khẩu thường trú tại 185/1 Gò Dầu, phường Tân Quý, quận Tân Phú nên Tòa án nhân dân quận Tân Phú thụ lý giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào các chứng cứ, lời khai của các bên trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện thời gian vợ chồng bà N và ông H chung sống với nhau có xảy ra mâu thuẫn từ cuối năm 2017. Cả hai mặc dù đã cố gắng hòa giải đoàn tụ với nhau nhưng không được, hiện cả hai đã sống ly thân, không còn chăm sóc lẫn nhau. Hội đồng xét xử xét thấy giữa bà Ngô Thị N và ông Nguyễn Đình H thường xuyên xảy mâu thuẫn là có cơ sở và mâu thuẫn giữa bà N và ông H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không còn hạnh phúc. Do đó căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Ngô Thị N.

- Về con chung: Bà Ngô Thị N và ông Nguyễn Đình H cùng xác nhận có 01 con chung là trẻ Nguyễn Diễm Như, sinh ngày 11/7/2015. Hội đồng xét xử xét thấy ông H và bà N đều yêu thương con chung, có nguyện vọng được nuôi con, có điều kiện kinh tế như nhau. Tuy nhiên Hội đồng xét xử xét thấy con chung trẻ Nguyễn Diễm Như là con gái, hiện bà N đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, phát triển tốt và để tránh sự xáo trộn trong cuộc sống và sinh hoạt của trẻ, do đó Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu xin trực tiếp nuôi con của bà N là có cơ sở để chấp nhận theo Điều 81, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Nguyên đơn bà Ngô Thị N không yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Đình H cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xét.

Khi cần thiết, bà N có quyền yêu cầu ông Nguyễn Đình H cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Hai bên đề nghị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

- Về nợ chung: Hai bên xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xét.

Dành quyền khởi kiện về tài sản chung cho bà N và ông H trong vụ án dân sự khác khi cần thiết.

Từ những phân tích, nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ngô Thị N.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do bà Ngô Thị N phải nộp theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật Phí và Lệ phí năm 2016 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Ông Nguyễn Đình H không phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 177, khoản 1 Điều 227, Điều 271 và Khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Luật Phí và Lệ phí năm 2016;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ngô Thị N.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Ngô Thị N được ly hôn với ông Nguyễn Đình H.

Quan hệ hôn nhân của bà Ngô Thị N và ông Nguyễn Đình H theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 14/2014, quyển số 01/2014 ngày 02/4/2014 của Ủy ban nhân dân xã Đồng Kho, huyện Tân Linh, tỉnh Bình Thuận cấp cho bà Ngô Thị N và ông Nguyễn Đình H chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Giao con chung là trẻ Nguyễn Diễm N, sinh ngày 11/7/2015 cho bà Ngô Thị N trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho ông Nguyễn Đình H do bà Ngô Thị N không yêu cầu.

+ Ông Nguyễn Đình H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở việc người không trực tiếp nuôi con thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

+ Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

+ Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc người thân thích; Cơ quan quản lý nhà nước về gia đình; Cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em; Hội liên hiệp phụ nữ, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

+ Khi cần thiết, bà Ngô Thị N có quyền yêu cầu ông Nguyễn Đình H cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Bà N và ông H đề nghị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết trong vụ án này.

- Về nợ chung: Bà N và ông H xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết.

Dành quyền khởi kiện về tài sản chung cho bà N và ông H trong vụ án dân sự khác khi cần thiết.

2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do bà Ngô Thị N phải nộp, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0020291 ngày 17/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Ngô Thị N đã nộp đủ án phí. Ông Nguyễn Đình H không phải nộp án phí.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án, theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND quận Tân Phú;
- Chi cục THA DS Q. Tân Phú;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tô Thị Ngọc Phượng

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án

dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án, theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA